

Số: 1157 /2012/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2012
đối với các MBQH có quy mô nhỏ hơn 10 ha trên địa bàn thành phố, thị
xã và nhỏ hơn 20 ha trên địa bàn các huyện.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 944/TTr-STC ngày 16/4/2012 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đối với các mặt bằng quy hoạch có quy mô nhỏ hơn 10 ha trên địa bàn thành phố, thị xã và nhỏ hơn 20 ha trên địa bàn các huyện, để các ngành và địa phương có liên quan thực hiện, với những nội dung sau:

1. Các dự án có điều tiết ngân sách tỉnh.

1.1. Tổng số mặt bằng để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: 14 mặt bằng (mười bốn mặt bằng).

1.2. Tổng diện tích theo mặt bằng quy hoạch: 21,61 ha.

1.3. Tổng diện tích thực hiện đấu giá: 9,35 ha.

1.4. Tổng tiền sử dụng đất dự kiến thu được: 519.616 triệu đồng.

(Danh mục các đơn vị và dự án theo Phụ lục 1 đính kèm)

2. Các dự án có điều tiết 100% Ngân sách huyện.

2.1. Tổng số mặt bằng để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: 112 mặt bằng (một trăm mười hai mặt bằng).

2.2. Tổng diện tích theo mặt bằng quy hoạch: 92,94 ha.

2.3. Tổng diện tích thực hiện đấu giá: 62,88 ha.

2.4. Tổng tiền sử dụng đất dự kiến thu được: 516.239 triệu đồng.

(Danh mục các đơn vị và dự án theo Phụ lục 2 đính kèm)

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hoá, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo để đấu giá quyền sử dụng đất đối với các mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, theo đúng Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất ban hành kèm theo Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND ngày 03/02/2012 của UBND tỉnh và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Thanh Hoá; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.
(QDCD 12-011).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Đình Thọ

PHỤ LỤC 1

Kèm theo Quyết định số 1151/2012/QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
Tổng số		21,61	9,35	519.616
I	Trung tâm phát triển quỹ đất	6,79	3,29	296.370
1	Dự án khu dân cư Tây Nam chợ Quảng Thắng TP Thanh Hóa (MBQH kèm theo Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 09/06/2011 của UBND TP Thanh Hóa	5,88	2,63	110.063
2	Dự án Khu dân cư đường Lê Hoàn (đợt 2) tại MBQH số 195/UBND-QLĐT ngày 30/01/2008 của UBND thành phố Thanh Hóa	0,56	0,56	180.000
3	MBQH 492 XD/UB ngày 22/12/2011 của UBND thị xã Sầm Sơn (KHu đất phía Nam đường Lê Văn Hưu, P.Bắc Sơn, TX Sầm Sơn)	0,35	0,097	6.307
II	Thành phố Thanh Hóa	3,62	1,90	116.551
1	MBQH số 4237/UBND-QLĐT xã Quảng Thắng (phần còn lại của MB 1821)	0,70	0,70	33.600
2	MBQH số 4074/UBND-QLĐT ngày 12/09/2011 của UBND thành phố Thanh Hóa - Xã Đông Hải	1,16	0,42	47.700
3	MB 502/UBND-QLĐT phường Phú Sơn thành phố Thanh Hóa (6 lô đất còn lại)	0,05	0,05	5000
4	MB 879/UBND-QLĐT ngày 02/6/2009 phường Phú Sơn (04 lô còn lại)	0,03	0,03	2516
5	MBQH số 1752/UBND-QLĐT ngày 03/10/2006 phường Nam Ngạn (01 lô còn lại)	0,007	0,007	197
6	MBQH số 247/UBND-QLĐT ngày 06/03/2006 phường Nam Ngạn (01 lô còn lại)	0,007	0,007	138
7	MBQH số 1013/UBND-QLĐT ngày 18/56/2010 phường Nam Ngạn (05 lô còn lại)	0,005	0,005	1400
8	Mặt bằng 1502/UBND-QLĐT, ngày 03/09/2009 quy hoạch xem cư thôn Thành Yên, xã Quảng Thành	1,580	0,600	20.000
9	MBQH số 682/UBND-QLĐT ngày 14/04/2011 phường Phú Sơn	0,080	0,080	6.000
III	Thị xã Sầm Sơn	11,20	4,16	106.695


STT	 Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu
1	Khu xen cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo phường Quảng Tiến (MBQH số 06/UBND-QLĐT ngày 07/02/2012 của UBND thị xã Sầm Sơn thay thế MBQH số 444/UBND-QLĐT ngày 1/9/2011)	1,30	0,26	7.863
2	Khu dân cư, tái định cư tại thôn Hồng Thắng xã Quảng cư thị xã Sầm Sơn	9,90	3,90	98.832




PHỤ LỤC 2

Kèm theo Quyết định số 151/2012/QĐ-UBND ngày 25/4/2012 của UBND tỉnh

STT	Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
112	Tổng số	92,94	62,88	516.239
I	Huyện Hoàng Hóa	5,15	5,15	34.873
1	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Ngọc	0,20	0,20	3.000
2	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Đồng	0,73	0,73	9.831
3	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Yên	0,90	0,90	4.500
4	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Phụ	0,76	0,76	3.731
5	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Khê	0,68	0,68	2.143
6	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Quý	0,78	0,78	6.276
7	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Giang	0,45	0,45	2.242
8	Dự án quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Hoàng Thái	0,65	0,65	3.150
II	Huyện Đông Sơn	17,98	14,64	187.354
1	Xã Đông Vinh (MBQH số 1787/MB-XD)	0,38	0,31	4.747
2	Xã Đông Phú (MBQH số 921/MB-XD)	0,73	0,57	4.027
3	Xã Đông Phú (KH 2012)	0,50	0,50	4.000
4	Xã Đông Anh (MBQH số 917/MB-XD)	1,08	0,55	16.683
5	Xã Đông Anh (KH2012)	0,72	0,72	8.640
6	Xã Đông Tiến	0,6	0,60	5.040
7	Xã Đông Thịnh	0,35	0,35	2.660

STT		Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
8	Xã Đông Xuân	0,52	0,52	3.744
9	Xã Đông Khê	0,35	0,35	2.380
10	Xã Đông Nam	0,50	0,50	1.750
11	Xã Đông Văn (KH 2012)	0,40	0,40	3.200
12	MBQH 1537 xã Đông Văn	0,23	0,23	2.565
13	Xã Đông Quang	0,40	0,40	2.560
14	MBQH 65 xã Đông Quang	0,15	0,15	900
15	Xã Đông Thanh	0,50	0,50	2.975
16	Xã Đông Minh	0,70	0,70	3.675
17	Xã Đông Hoàng	0,80	0,80	4.480
18	Xã Đông Yên	0,65	0,65	2.275
19	Xã Đông Ninh	0,76	0,76	2.926
20	TT Nhôi	0,80	0,47	9.400
21	TT Rừng Thông	1,00	1,00	9.000
22	Xã Đông Hưng	2,50	1,25	12.500
23	Khu dân cư đồng Bam thị trấn Nhôi (MBQH số 1288/XD-UB)	3,36	2,36	77.227
III	Huyện Vĩnh Lộc	3,00	2,30	15.500
1	Dự án đấu giá khu đất ở tại thị trấn	0,80	0,60	6.000

STT	 Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
2	Dự án đấu giá QSD đất ở tại xã Vĩnh Phúc	1,30	1,00	8.000
3	Dự án đấu giá QSD đất ở tại xã Vĩnh Quang	0,90	0,70	1.500
IV	Huyện Thạch Thành		7,19	14.097
1	Xã Thạch Long		0,29	432
2	Xã Thạch Đồng		0,30	450
3	Xã Thạch Định		0,24	360
4	Xã Thạch Tân		0,36	720
5	Xã Thạch Bình		0,35	531
6	Xã Thạch Sơn		0,45	900
7	Xã Thạch Cẩm		0,26	387
8	Xã Thành Công		0,36	540
9	Xã Thành Trục		0,54	810
10	Xã Thành Tân		0,30	450
11	Xã Thành Tâm		0,60	1.200
12	Xã Thành Thọ		0,30	450
13	Xã Thành An		0,27	405
14	Xã Thành Tiến		0,36	540
15	Xã Thành Kim		0,30	600

STT	Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
16	Xã Thành Hưng		0,29	432
17	Xã Thành Long		0,78	1.170
18	TT Vân Du		0,60	3.000
19	TT Kim Tân		0,24	720
V	Huyện Cẩm Thủy	1,92	1,78	10.460
1	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Thành	0,16	0,12	300
2	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Thạch	0,11	0,11	450
3	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Bình	0,11	0,11	600
4	ĐG QSD đất tại TT Cẩm Thủy	0,17	0,17	1.725
5	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Giang	0,20	0,20	301
6	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Sơn	0,07	0,07	338
7	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Quý	0,17	0,17	389
8	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Phong	0,20	0,20	3.050
9	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Ngọc	0,11	0,11	750
10	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Tân	0,31	0,25	1.867
11	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Yên	0,08	0,04	163
12	ĐG QSD đất tại xã Cẩm Tâm	0,23	0,23	528
VI	Huyện Thiệu Hóa	17,74	12,46	10.092

STT	Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
1	Xã Thiệu Vân	0,85	0,60	420
2	Xã Thiệu Khánh	0,85	0,60	417
3	Thị trấn Vạn Hà	0,60	0,45	675
4	Xã Thiệu Phúc	0,44	0,31	180
5	Xã Thiệu Dương	15,00	10,50	8.400
VII	Huyện Tĩnh Gia	21,13	10,04	131.881
1	Xã Hải Châu	0,25	0,15	2.800
2	Xã Thanh Thủy	0,69	0,30	2.491
3	Xã Thanh Sơn	0,90	0,15	2.361
4	Xã Triệu Dương	2,36	0,30	5.668
5	Xã Hải Ninh	2,81	0,50	6.940
6	Xã Hải An	0,50	0,25	1.500
7	Xã Tân Dân	1,02	0,50	7.342
8	Xã Ninh Hải	0,65	0,40	7.540
9	Xã Nguyên Bình	1,00	0,55	6.205
10	Xã Hải Nhân	1,40	0,50	4.102
11	Xã Hải Hòa	0,42	2,30	5.424
12	Xã Các Sơn	1,37	0,20	2.874

STT	Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
13	Xã Hải Thanh	0,22	0,11	2.960
14	Thị trấn Tĩnh Gia	2,31	1,39	30.788
15	Xã Hải Lĩnh	0,26	0,20	2.900
16	Xã Anh Sơn	0,68	0,41	752
17	Xã Ngọc Lĩnh	1,10	0,66	2.270
18	Xã Hùng Sơn	0,81	0,49	2.410
19	Xã Tân Trường	0,32	0,19	3.700
20	Xã Bình Minh	2,05	0,50	30.854
VIII	Huyện Hậu Lộc	5,01	2,43	36.825
1	Khu tái định cư TRIỆU LỘC	1,74	0,75	9.341
2	Khu tái định cư Đại Lộc	2,10	0,78	11.675
3	Dự án quy hoạch khu dân cư thị trấn Hậu Lộc	1,17	0,90	15.809
IX	Huyện Ngọc Lặc	3,92	3,60	31.598
1	Khu xen cư Cầu Ngàn-TT Ngọc Lặc	1,20	0,97	18.038
2	Khu DC Bãi Nghia Ngọc Liên	0,17	0,17	1.500
3	Khu dân cư thôn 3 Ngọc Liên	0,74	0,65	2.400
4	Khu dân cư Đồng Trôi Lộc Thịnh	0,29	0,29	600
5	Khu DC đội 3 Phùng Giáo	0,20	0,20	700

STT	Tên dự án	Tổng diện tích theo MBQH (ha)	Diện tích đấu giá (ha)	Tổng tiền SD đất dự kiến thu (Triệu đồng)
6	Khu DC Thọ Phú Ngọc Trung	0,50	0,50	3.000
7	Khu DC Yên Thắng Ngọc Trung	0,50	0,50	3.200
8	Khu DC làng 61 Cao Thịnh	0,12	0,12	560
9	Khu DC làng Z111 Cao Thịnh	0,20	0,20	1.600
X	Huyện Hà Trung	17,10	3,30	43.560
1	MBQH khu Kim Chi Hà Ngọc	0,29	0,29	2.434
2	MBQH khu xen cư khu dân cư Đồng Màu Hà Lai	0,78	0,41	3.656
3	MBQH khu dân cư Bến Cống Phú Vinh Hà Bình	1,63	0,59	8.410
4	MBQH nhà vườn số 64 ngay 14/04/2010	1,99	0,60	7.200
5	MBQH dọc tuyến đường 522	0,22	0,22	5.500
6	MBQH khu đồi Quang khu Đại Sơn	0,54	0,30	420
7	Khu dân cư phía nam trung tâm văn hóa thể thao huyện Hà Trung	2,55	0,22	6.503
8	Khu dân cư Núi Phấn Tiểu khu 5	8,40	0,20	3.049
9	MBQH Thôn Kim Hưng xã Hà Đông	0,38	0,26	3.517
10	MBQH Thôn Kim Phát xã Hà Đông	0,32	0,21	2.871